

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-PT
Ngày 27 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Ông Châu Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo Lê Vũ B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Vũ B** (tên gọi khác: L), sinh năm 1984 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Khóm 7, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1930 và bà Lưu Thị C, sinh năm 1945; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án hay bị xử phạt hành chính; bị khởi tố ngày 18/7/2017 đến ngày 19/7/2017 bắt tạm giam đến ngày 09/10/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại ông Hồ Minh T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Khóm 7, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; anh Hồ Minh N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khóm 7, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Vũ B và ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh N là bạn bè nên ông T, ông N nhờ bị cáo đứng tên nhận chuyển nhượng 02 thửa đất tại Khóm 7, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu của ông Chung Thành H và bà Dương Thị Lâm C. Ngày 09/4/2016, bị cáo B và ông H, bà C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 700.000.000đ, đặt cọc số tiền 100.000.000đ, khi hoàn tất thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán số tiền còn lại.

Khoảng cuối tháng 8/2016, do con ông H là anh Chung Bá G muốn vay tiền của ông T, nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông T. Ngày 01/9/2016, bị cáo nói với ông T gia đình ông H muốn vay 100.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, khi nào thanh toán hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ đổi trừ. Ông T đồng ý và yêu cầu gia đình ông H làm biên nhận, nên bị cáo tự làm biên nhận thể hiện ông Chung Thành H và bà Dương Thị Lâm C vay số tiền 100.000.000đ, giả mạo chữ ký, in dấu vân tay của mình rồi lên giấy biên nhận rồi mang đưa cho ông Hồ Minh T. Ông T tin tưởng là thật nên đưa cho bị cáo số tiền 96.000.000đ (đã trừ 4.000.000đ tiền lãi vay). Sau đó bị cáo đưa cho con ông H là anh Chung Bá G 30.000.000đ, còn 66.000.000đ bị cáo giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 29/10/2016, ông Hồ Minh N hỏi bị cáo về việc làm giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị cáo tiếp tục nói dối với ông N là ông H, bà C muốn lấy thêm 50.000.000đ tiền đặt cọc để làm giấy tờ, ông N tin tưởng nhưng yêu cầu chủ đất (ông H, bà C) làm biên nhận mượn tiền; bị cáo tiếp tục làm giả biên nhận thể hiện nội dung ông H, bà C có mượn của bị cáo B số tiền 50.000.000đ, bị cáo giả chữ ký của ông H và in dấu vân tay của mình lên biên nhận rồi đến nhà giao cho ông N, ông N tin tưởng nên giao cho bị cáo 50.000.000đ, số tiền này bị cáo không đưa cho ông H, bà C và cũng không làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà giữ lại tiêu xài cá nhân hết.

Tương tự, ngày 23/12/2016 bị cáo tiếp tục đến nhà ông Hồ Minh T nói ông H, bà C muốn vay thêm 100.000.000đ, lãi suất 4% rồi làm giấy biên nhận giả chữ ký và in dấu vân tay lên giấy biên nhận đưa cho ông T, vì tin tưởng nên ông T giao cho bị cáo 92.000.000đ sau khi đã trừ 8.000.000đ tiền lãi vay, bị cáo nhận 92.000.000đ chi xài cá nhân, đến tháng 02/2017, bị cáo bỏ đi khỏi nơi cư trú để tránh mặt ông T, ông N và đổi số điện thoại mục đích để ông T, ông N không liên lạc được với bị cáo, nên ông T, ông N đến Công an Phường 5, thành phố B trình báo và nộp 03 biên nhận vay tiền. Đến ngày 19/7/2017, bị cáo Lê Vũ B bị bắt và khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Tại bản kết luận giám định số 333/GĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Dấu vết đường vân trong biên

nhận vay tiền ngày 01/9/2016, ngày 29/10/2016 và ngày 23/12/2016 là dấu vân tay của Lê Vũ B in ra.

Quá trình điều tra bị cáo đã trả cho người bị hại là ông T và ông N số tiền 200.000.000 đồng, ông T, ông N không đặt ra yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Vũ B (tên gọi khác: L) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Vũ B 03 (ba) năm tù. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 4 năm 2018, bị cáo Lê Vũ B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lời nói sau cùng bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Căn cứ kết luận tranh tụng tại phiên tòa thì việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo hưởng hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là nhẹ, không nặng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì động cơ vụ lợi cá nhân bị cáo đã có hành vi làm các giấy biên nhận giả chữ ký, dấu vân tay của

ông H, bà C nhằm chiếm đoạt của ông Hồ Minh T 02 lần với số tiền 158.000.000đ, chiếm đoạt của ông Hồ Minh N 01 lần với số tiền 50.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo Lê Vũ B chiếm đoạt của các bị hại là 208.000.000đ. Do đó, việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan bị cáo.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại và các bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, nên cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; nhân thân bị cáo chưa bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là dưới khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, mất lòng tin trong nội bộ quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn, nên cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thời gian cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Vũ B (tên gọi khác: L) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ B (tên gọi khác: L) 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 19/7/2017 đến ngày 09/10/2017.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Vũ B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQĐT thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (02b)
- Lưu:HS, THS, THCTP;

Bùi Anh Tuấn